

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 2479 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2395/TTr-SNN, ngày 11/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

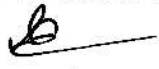
Điều 1. Công bố Danh mục 31 thủ tục hành chính Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính tại số thứ tự: các số 1, 2, 4, 5 mục I; các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mục III; các số 1, 14, 15, 17, 18 mục V; các số 1, 2, 3, 4 mục VI; các số 1, 8, 13 mục VII; các số 1, 2, 3 mục VIII phần A; các số 6, 14 mục IX (Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT) và số 1,2 mục III; số 1 mục IV; các số 1, 2, 3 mục V phần B (thủ tục hành



chính cấp huyện) thuộc Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định số 2143/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (B). 

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2979~~ /QĐ-UBND ngày 19 / 8 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A.	TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định - 73 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	800.000 đồng/lần (quy định tại mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BTC)	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật rừng thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp thay thế

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 /5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.	Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp phải thành lập đoàn đánh giá; - 73 ngày làm việc khi nhận được bản	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường	800.000 đồng/lần (quy định tại mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BTC)	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vệ thực vật	báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		doanh trong lĩnh vực nông nghiệp; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm; - Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.	quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp thay thế Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	600.000 đồng/lần (quy định tại mục I, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, kèm theo Thông tư số 33/2021/TT- BTC)	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo; - Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; - Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp thay thế Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trong vòng 24 giờ làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Quy định chi tiết tại mục III Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật, Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17/5/2021	- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Thông tư số 35/2015/TT- BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch thực vật nội địa; - Thông tư số 33/2014/TT- BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật; - Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 33/2021/TT- BTC ngày 17 tháng 05 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp thay thế Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.	
II. LĨNH VỰC THỦY SẢN						
1	Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản	5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu diện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	40.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 4 kèm theo Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Thay đổi phần phí, lệ phí do thay đổi Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 118/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thay đổi thời gian giải quyết: Cắt giảm thời gian giải quyết từ 06 ngày làm việc xuống còn 5,5 ngày làm việc so với quy định.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản	
2	Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	20.000 đồng/lần (Quy định tại Điều 4 kèm theo Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT- BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 118/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bắt hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay thế Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư 21/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác. - Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT ngày 18/01/2022 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT ngày 18/01/2022 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay thế Thông tư số 13/2020/TT- BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	Thủ tục Xóa đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
6	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 01/2022/TT-

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. - Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
7	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.	
9	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	- 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu; - 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An. - Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: http://dichvucong.nghean.gov.vn	5% giá thiết kế (Quy định tại Biểu phí, lệ phí kèm theo Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần căn cứ pháp lý: + Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. + Thay đổi phần phí, lệ phí do thay đổi Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.	+ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.
10	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An.	1. Giám sát kỹ thuật đóng mới (kể cả các phương tiện chưa được cơ quan đăng kiểm kiểm tra - kiểm tra lần đầu), C là giá trị đóng mới:	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá;	Nội dung điều chỉnh: Bổ sung phần căn cứ pháp lý + Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				a) Giá đóng mới trên 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng: $910.000 + (C - 100.000.000) \times 0,007$ (đồng) b) Giá đóng mới trên 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng: $2.310.000 + (C - 300.000.000) \times 0,006$ (đồng) c) Giá đóng mới trên 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng: $6.510.000 + (C - 1.000.000.000) \times 0,005$ (đồng) d) Giá đóng mới trên 2.000.000.000 đồng: $11.510.000 + (C - 2.000.000.000) \times 0,004$ (đồng)	công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản	thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản; + Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản. + Thay đổi phần phí, lệ phí do thay đổi Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				2. Giám sát kỹ thuật cải hoán, sửa chữa phục hồi, C là giá trị hoán cải, sửa chữa phục hồi: a) Giá sửa chữa, hoán cải đến 15.000.000 đồng: 300.000 đồng b) Giá sửa chữa, hoán cải trên 15.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng: 300.000 + (C-15.000.000) x 0,016 (đồng) c) Giá sửa chữa, hoán cải trên 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng: 860.000 + (C-50.000.000) x 0,012 (đồng)		tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				d) Giá sửa chữa, hoán cải trên 150.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng: 2.060.000 + (C-150.000.000) x0,009(đồng) đ) Giá sửa chữa, hoán cải trên 350.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng: 3.860.000 + (C-350.000.000) x 0,007 (đồng) e) Giá sửa chữa, hoán cải trên 700.000.000 đồng đến 1.200.000.000 đồng: 6.310.000 + (C-700.000.000) x 0.005 (đồng) g) Giá sửa chữa, hoán cải trên 1.200.000.000 đồng		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đến 2.500.000.000 đồng: 8.810.000 +(C-1.200.000.000) x 0,003 (đồng) h) Giá sửa chữa, hoán cải trên 2.500.000.000 đồng: 12.710.000 + (C- 2.500.000.000) x 0,001 (đồng) 3. Kiểm tra bất thường, tai nạn: Bảng mức thu phí kiểm tra hàng năm đồng/lần/tàu 4. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá hàng năm a) Kiểm tra phân vỏ tàu tính theo dung tích (GT): 2.000 đồng/GT		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				b) Kiểm tra phần máy tàu (Tổng công suất máy chính + máy phụ (KW)): 1.360 đồng/KW c) Thiết bị hàng hải: 75.000 đồng/lần/hệ thống d) Thiết bị vô tuyến điện: 75.000 đồng/lần/hệ thống đ) Phương tiện tín hiệu: 37.000 đồng/lần/hệ thống e) Phương tiện cứu sinh: 75.000 đồng/lần/hệ thống f) Trang thiết bị nghề cá: 130.000 đồng/lần/hệ thống g) Các trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn được trang bị trên tàu cá:		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Bình chịu áp lực: + Dung tích một bình chịu áp lực, $V \leq 0,3$ m^3: 75.000 đồng/lần + Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến $1m^3$: 150.000 đồng/lần - Các thiết bị lạnh: + Dưới 30.000 kcal/h: 1.050.000 đồng/hệ thống + Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal: 1.500.000 đồng/hệ thống + Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal: 2.250.000 đồng/hệ thống 5. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá: Kiểm tra định kỳ		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				a) Kiểm tra phần vỏ tàu tính theo dung tích (GT): 5.000 đồng/GT b) Kiểm tra phần hệ động lực và trang thiết bị buồng máy: 4.080 đồng/KW c) Thiết bị hàng hải: 135.000 đồng/lần/hệ thống d) Thiết bị vô tuyến điện: 187.000 đồng/lần/hệ thống đ) Phương tiện tín hiệu: 45.000 đồng/lần/hệ thống e) Phương tiện cứu sinh: 135.000 đồng/lần/hệ thống f) Trang thiết bị nghề cá: 150.000 đồng/lần/hệ thống		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				g) Trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn: - Bình chịu áp lực: + Dung tích một bình chịu áp lực, $V \leq 0,3$ m^3 : 105.000 đồng/lần + Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến $1m^3$: 225.000 đồng/lần - Các thiết bị lạnh: + Dưới 30.000 kcal/h: 1.500.000 đồng/hệ thống + Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal: 2.250.000 đồng/hệ thống + Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal: 3.000.000 đồng/hệ thống		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				6. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá và các trang thiết bị trên tàu cá trung gian: Kiểm tra trên đả a) Kiểm tra phần vỏ tàu tính theo dung tích (GT): 3.500 đồng/GT b) Kiểm tra phần máy tàu (Tổng công suất máy chính + máy phụ): 2.720 đồng/KW c) Thiết bị hàng hải: 105.000 đồng/lần/hệ thống d) Thiết bị vô tuyến điện: 131.000 đồng/lần/hệ thống đ) Phương tiện tín hiệu: 41.000 đồng/lần/hệ thống		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				e) Phương tiện cứu sinh: 105.000 đồng/lần/hệ thống f) Trang thiết bị nghề cá: 140.000 đồng/lần/hệ thống g) Trang thiết bị đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn: - Bình chịu áp lực: + Dung tích một bình chịu áp lực, $V \leq 0,3$ m ³ : 90.000 đồng/lần + Dung tích bình chịu áp lực, $V > 0,3$ đến 1m ³ : 187.500 đồng/lần - Các thiết bị lạnh: + Dưới 30.000 kcal/h: 1.275.000 đồng/hệ thống + Từ 30.000 kcal/h đến 50.000 kcal:		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				1.875.000 đồng/hệ thống + Trên 50.000 kcal/h đến 100.000 kcal: 2.625.000 đồng/hệ thống (quy định tại mục 2, 3, 4, 5, 6, 8 phần II, biểu phí, lệ phí kèm theo Thông tư 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021; Mức thu phí kiểm định đối với thiết bị, phương tiện của tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét bằng 50% mức thu phí tương ứng quy định tại tiết c, d, đ, e điểm 5, tiết c, d, đ, e điểm 6 và tiết c, d, đ, e điểm 8 mục II Biểu phí, lệ phí nêu tại Thông tư		

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021.)		
11	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp mới giấy chứng nhận; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với cấp lại giấy chứng nhận.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	5.700.000 đồng/lần (Quy định tại Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ Tài chính)	- Luật Thủy sản ngày 21/11/2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thủy sản. - Thông tư số 26/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Thông tư 112/2021/TT- BTC ngày 15/12/2021 của Bộ tài chính quy định Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi phần phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do thay đổi Thông tư số 112/2021/TT- BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
III. LĨNH VỰC THÚ Y						
1	Thủ tục Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	- 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp mới, cấp lại do Giấy chứng nhận hết hạn; - 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	+ Cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phần phí, lệ phí do bổ sung cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm. 1.000.000 đồng/lần. + Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần (Quy định tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020))	lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
3	Thủ tục Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục	50.000 đồng/ lần (Quy định tại mục I, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày	Nội dung điều chỉnh: Gộp 2 TTHC: “Cấp chứng chỉ hành nghề thú y (bao gồm: tiêm

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	kèm theo Thông tư số 101/2020/TT- BTC ngày 23/11/2020)	15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT- BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y	phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)" và "Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y bao gồm: tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y" thành 01 TTHC "Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)” để đồng nhất với tên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
4	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ:	230.000 đồng/lần (Quy định tại mục V, Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020)	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			http://dichvucong.nghean.gov.vn		02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y; - Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	13/2016/TT-BNNPTNT.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.	
IV. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI						
1	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế: 5.700.000 đ/ 01 cơ sở/lần - Trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đ/ 01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021)	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận được hồ sơ đầy đủ. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 250.000 đ/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021)	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
3	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021)	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.				
4	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại	- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi:	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An;	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Bổ sung phí, lệ phí và căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quy mô lớn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	- Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	(Quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/03/2021)	Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.	chăn nuôi.
V. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP						
1	Thủ tục Đăng ký mã số cơ	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau:	Không	- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Điều chỉnh thời gian giải quyết từ “ 5

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	sở nuôi, trồng các loại động vật, thực vật nguy cấp, quý, hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II,III CITES	và không thẩm định điều kiện cơ sở nuôi - 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và có thẩm định điều kiện cơ sở nuôi.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		- Luật Thủy sản 18/2017/QH14; - Điều 14, Điều 15, Điều 18, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm, và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; Trong trường hợp cần kiểm tra thực tế thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định” thành “20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và không thẩm định điều kiện cơ sở nuôi; 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và có thẩm định điều kiện cơ sở nuôi” - Giám thời gian giải quyết so với quy định từ 45 ngày xuống còn 40 ngày trong trường hợp cần kiểm tra thực tế.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Thủ tục Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	- Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ: 450.000 đồng/cây/lần - Phí bình, tuyển công nhận vườn cây đầu dòng: 1.000.000 đồng/vườn/lần - Phí bình tuyển, công nhận rừng giống: 2.750.000 đồng/01 rừng giống/lần (Quy định tại Điều 2 kèm theo Nghị quyết số 15/2017/NQ- HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh Nghệ An)	Nghị định số 27/2021/NĐ- CP ngày 25/3/2021 của Chính Phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp; - Thông tư 30/2018/TT- BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Thay đổi tên TTHC từ “Thủ tục Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyển hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)” thành “Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp” theo Quyết định số 362/QĐ-BNN- TCLN ngày 20/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.	22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Nghị quyết 15/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bình tuyến công nhận cây mẹ, vườn cây đầu dòng, rừng giống trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	
3	Thủ tục Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	- Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Không	- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam; - Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> - Thay đổi thời hạn giải quyết và bổ sung căn cứ pháp lý do bổ sung Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Thông tư số

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					- Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.	21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.
VI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH						
1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu diện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ:	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyet.	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư 10/2021/TT-	Nội dung điều chỉnh: - Thay đổi tên TTHC "Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng" thành TTHC "Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình";

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			http://dichvucong.nghean.gov.vn		BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý: Thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng
2	Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, số 16 đường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An; - Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn	Chi phí được trích từ phí, chi phí thẩm định dự toán xây dựng	- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 Nghị định Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	Nội dung điều chỉnh: - Thay đổi tên TTHC “Thủ tục Thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng về triển khai sau thiết kế cơ sở” thành TTHC “Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở”;

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý: Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ; Nghị định số 10/2021/NĐ- CP ngày 9/2/2021 của chính phủ.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH						
1	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện;	Theo dự toán được chủ đầu tư phê duyet	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung số 62/2020/QH14 - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ	Nội dung điều chỉnh: - Thay đổi tên TTHC “Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng”

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.nghean.gov.vn		về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	thành TTHC “Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình”; - Sửa đổi, bổ sung phần căn cứ pháp lý do bổ sung thông tư 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

II. LĨNH VỰC THỦY LỢI

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bru điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định 114/2018/NĐ- CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Thông tư 05/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật thủy lợi.	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Sửa đổi tên TTHC “Thủ tục Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND tỉnh phân cấp (Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyet)” thành TTHC “Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp” phù hợp với tên trên Dịch vụ công quốc gia
III. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN						
1	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong huyện	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không	- Thông tư số 19/2015/TT- BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi tên TTHC từ thủ tục Bố trí ổn định dân cư trong

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện		quy trình bố trí, ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	huyện, thành, thị thành Bố trí ổn định dân cư trong huyện phù hợp với tên TTHC trên dịch vụ công quốc gia
2	Thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Nộp Hồ sơ theo một trong các cách thức sau: - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện - Nộp qua đường Bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; - Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định	<i>Nội dung điều chỉnh:</i> Thay đổi tên TTHC từ thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện (thành, thị xã) trong tỉnh thành thủ tục Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh phù hợp với tên TTHC trên dịch vụ công quốc gia.

ST T	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ- TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

